CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
		TỔNG CỘNG						***313 408***	***81 289***	***256 739***		
I	**CẢNG CHÍNH**							**63 000**	**1 413**	**61 587**		
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***4 200***	***4 170***	***30***		
1		CROMIT	13/3	679/03	20/3	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 200	1 189	11	16/3	TD
2		THAN MIỀN NAM	14/3	555/03	21/3	TRUNG HIẾU 68	BÙN 3B	3 000	2 981	19	16/3	TD
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***56 650***	***15 681***	***40 969***		
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	13/3	167/3		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800		22 800		HỘ LỚN
2		COALIMEX	16/3	698/03		QN 7689	CÁM 5A.1	2 800		2 800		PTCB
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	16/3	175/03		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	10 078	12 672	DỠ	HỘ LỚN
4		NHÔM ĐẮK NÔNG	16/3	696/03		VINACOMIN CẨM PHẢ	CÁM 5A.1	5 600	4 111	1 489	DỠ	HỘ LỚN
5		NHÔM LÂM ĐỒNG	16/3	697/03		VINACOMIN CẨM PHẢ	CỤC 4A.2	2 700	1 492	1 208	DỠ	HỘ LỚN
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***27 750***		***27 750***		
1		TNV- HẢI DƯƠNG	16/3	702/03		BN 2978	CỤC XÔ 1C	2 150		2 150		TD
	Tàu chuyển tải							**127 100**	**47 574**	**79 526**		
	Tàu đã làm hàng							***26 300***	***26 273***	***27***		
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	09/3	158/3		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300	26 273	27	16/3	HỘ LỚN
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***47 100***	***21 301***	***25 799***		
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	14/3	166-B/3		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 5A.10	23 300	16 301	6 999	RÓT DỠ	HỘ LỚN
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/3	159/3		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 5B.14	23 800	5 000	18 800	RÓT DỠ	HỘ LỚN
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***53 700***		***53 700***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/3	141/3		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 700		28 700		HỘ LỚN
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/3	176/3		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 000		25 000		HỘ LỚN
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**23 102**	**10 330**	**12 772**		
	Tàu đã làm hàng							***9 582***	***9 488***	***94***		
1		ĐTTM&DV	14/3	685/03	21/3	HD 2225	DON 8B	1 020	1 006	14	16/3	TD
2		V TRACO	13/3	677/03	20/3	BN 2203	CÁM 8A	1 500	1 466	34	16/3	TD
3		ĐTTM&DV	14/3	686/03	21/3	HD 9969	CÁM 8A	1 962	1 957	5	16/3	TD
4		SXTM THAN UÔNG BÍ	15/3	693/03	22/3	HP 5818	CÁM 8A	3 000	2 979	21	16/3	TD
5		TNK MV SASEBO GLORY	13/3	1 258		CỬA ÔNG 14	TNK MOZAMBIQUE	2 100	2 080	20	16/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***6 660***	***842***	***5 818***		
2		HÀNG HẢI VN	09/3	524/03	16/3	BN 1879	CỤC 1B	1 060	842	218	RÓT DỠ	TD
2		DVVT QN	14/3	682/03	21/3	HN 2556	CÁM 7C	2 600		2 600		TD

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
3		CẦU ĐUỐNG	15/3	690/03	22/3	BN 2388	CỤC 1B	1 500		1 500		TD
4		VTT	15/3	694/03	22/3	NAM ANH 279	CÁM 8A	1 500		1 500		TD
	Tàu đã làm lệnh							***6 860***		***6 860***		
1		VTT	10/3	507/03	18/3	NB 8127	CỤC 1B	1 020		1 020		TD
2		THAN MIỀN NAM	11/3	648/3	18/3	TRÀN GIA 09	CỤC 1B	970		970		TD
3		THAN MIỀN NAM	11/3	648/3	18/3	TRÀN GIA 09	CÁM 8A	770		770		TD
4		SXTM THAN UÔNG BÍ	11/3	653/3	18/3	BN 1883	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
5		ĐTTM&DV	11/3	652/3	18/3	BN 0869	CỤC 1A	1 100		1 100		TD
6		KDT BẮC TRUNG BỘ	11/3	654/3	18/3	NB 2952	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
7		THAN MIỀN TRUNG	13/3	670/03	20/3	TRUNG KIÊN 01	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**6 288**	**3 884**	**2 404**		
	Tàu đã làm hàng							***3 896***	***3 884***	***12***		
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	13/3	169/3	28/3	TĐ 03-1	CÁM 5A.14	2 276	2 267	9	16/3	HỘ LỚN
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	14/3	173/3	29/3	QN 4080	CÁM 5B.14	1 620	1 616	4	16/3	HỘ LỚN
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***2 392***		***2 392***		
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	14/3	174/3	31/3	1 TĐ 12	CÁM 5B.14	2 392		2 392		HỘ LỚN
	Tàu đã làm lệnh											
IV	**KHO CẢNG KM6**							**22 124**	**12 564**	**9 560**		
	Tàu đã làm hàng							***10 376***	***10 318***	***58***		
1		CROMIT	15/3	692	25/3	MINH TÂN 68	CÁM 5B.1	3 700	3 667	33	16/3	PTCB
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	16/4	699	26/3	MINH TÂN 18	Cám 6a.1	3 700	3 687	13	16/3	PTCB
3		KDT BẮC TRUNG BỘ	16/5	700	26/3	NB 6488	Cám 5b.1	1 046	1 040	6	16/3	PTCB
4		KDT HẢI PHÒNG	16/6	701	23/3	BN 2366	Cám 6b.1	1 930	1 924	6	16/3	PTCB
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 630***	***2 246***	***1 384***		
1		VTT	08/3	619	15/3	QN 9019	DON 8A	2 030	1 006	1 025	RỚT DỞ	TD
2		DVVT QN	15/3	691	22/3	BN 2518	CỤC 1B	1 600	1 241	359	RỚT DỞ	TD
	Tàu đã làm lệnh							***8 118***		***8 118***		
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	14/3	683	24/3	HOÀNG GIA 45	CÁM 5A.1	1 690		1 690		BAUXIT
2		NHÔM ĐẮK NÔNG	14/3	683	24/3	HOÀNG GIA 45	CỤC 4A.2	1 360		1 360		BAUXIT
3		KDT MIỀN BẮC	16/3	695	26/3	HP 5795	Cám 6b.1	5 068		5 068		PTCB
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**70 650**	**6 000**	**64 650**		
	Tàu đã làm hàng							***6 000***	***6 000***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
1		THÁI LAN	26/02	17/02/XK		MV TD SUNSHINE	CỤC 4B.3	6 000	6 000		16/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 000***		***3 000***		
1		NHẬT BẢN	13/3	23/3/XK		MV JIN RUN 888	CỤC 5A.1	3 000		3 000		
	Tàu đã làm lệnh							***61 650***		***61 650***		
1		INDONESIA	10/3	21/3/XK		MV NAM SON 16	CÁM 2A.1	1 650		1 650		
3		NHẬT BẢN	16/3	22-B/3/XK		MV HE CHANG	CÁM 3B.1	35 000		35 000		
4		INDONESIA	16/3	24/3/XK		MV ROYAL SPARK	CỤC 5B.2	25 000		25 000		
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**35 000**	**29 582**	**5 418**		
	Tàu đã làm hàng							***25 000***	***25 182***	***- 182***		
1		MOZAMBIQUE		TMB		MV SASEBO GLORY		20 000	20 127	- 127	16/3	
2		LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 26-02		5 000	5 054	- 54	16/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***10 000***	***4 400***	***5 600***		
1		ÚC		CLM		W-STAR		10 000	4 400	5 600	BỐC DỠ	
	Tàu đã làm lệnh											